

## HẬU PHƯƠNG MIỀN BẮC TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ (1954 - 1968)

*Phạm Thị Phương Thúy<sup>1</sup>*

### TÓM TẮT

*Cuộc kháng chiến chống Mỹ diễn ra trong bối cảnh đất nước tạm thời chia làm hai miền với hai chế độ chính trị khác nhau. Miền Bắc cơ bản đã hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, miền Nam còn bị đặt dưới ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, đòi hỏi Đảng phải có chủ trương đúng đắn đưa cách mạng từng bước thắng lợi. Từ thực tế đó, nhận thức sâu sắc và vận dụng sáng tạo lý luận chủ nghĩa Mác – Lênin về vai trò của hậu phương trong chiến tranh, Đảng quyết định xây dựng ba tầng hậu phương là: hậu phương miền Bắc xã hội chủ nghĩa, hậu phương tại chỗ miền Nam và hậu phương quốc tế. Trong đó, miền Bắc là hậu phương lớn, là căn cứ địa cách mạng của cả nước, là nền tảng, là gốc rễ của lực lượng đấu tranh của nhân dân ta và là nhân tố quyết định sự thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, thống nhất Tổ quốc.*

*Trong khuôn khổ bài viết này, tác giả đi vào phân tích chủ trương xây dựng hậu phương cũng như đưa ra những nhận định về thành tựu và đóng góp của hậu phương miền Bắc trong giai đoạn 1954 – 1968.*

***Từ khóa:** Hậu phương miền Bắc, tiền tuyến miền Nam, chi viện, cách mạng xã hội chủ nghĩa*

### **1. Tình hình đất nước sau 1954 và chủ trương của Đảng về xây dựng hậu phương miền Bắc**

#### **1.1. Tình hình đất nước sau 1954**

Chiến thắng Điện Biên Phủ vang dội đã buộc chính phủ Pháp phải ký kết Hiệp định Giơnevơ (7-1954), công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam. Đây là bước ngoặt quan trọng trong lịch sử đấu tranh giành độc lập của nhân dân ta. Thắng lợi này mở đường cho cách mạng Việt Nam bước vào một thời kỳ phát triển mới với những điều kiện thuận lợi mới, nhưng cũng đầy những khó khăn, phức tạp mới. Đất nước tạm thời chia thành hai miền với hai chế độ

chính trị khác nhau. Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng đi lên chủ nghĩa xã hội, miền Nam còn dưới sự thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai. Cuộc đấu tranh để giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước được tiếp tục bằng nhiều hình thức và phương pháp khác nhau trong điều kiện có pháp lý của Hiệp định Giơnevơ.

Ở miền Bắc, sau khi quân đội Pháp rút đi, nhân dân ta phải tập trung hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế, bảo đảm đời sống, củng cố, xây dựng miền Bắc thành hậu phương chiến lược của cả nước, làm cơ sở cho cuộc đấu tranh thực hiện một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập dân chủ

<sup>1</sup>Trường Đại học Đồng Nai  
Email: lephamphuonglinh2014@gmail.com

và giàu mạnh. Trước mắt, miền Bắc phải đối mặt với những khó khăn chồng chất - hậu quả của gần một thế kỷ thuộc địa và hơn chín năm chiến tranh: sản xuất nông nghiệp manh mún, nghèo nàn, kỹ thuật canh tác lạc hậu, đời sống người nông dân còn thiếu thốn mọi bề, công nghiệp với thiết bị cũ kỹ, nhiều thứ đã hư hỏng, những bộ phận còn tốt và các tài liệu kỹ thuật quan trọng đều đã bị Pháp chuyển vào miền Nam. Không chỉ trên lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, tiểu - thủ công nghiệp cũng bị chèn ép, bị sa sút vì không có nguyên liệu sản xuất. Nhiều ngành, nghề thủ công truyền thống bị mai một hoặc mất hẳn. Hệ thống giao thông, bưu điện bị hư hỏng và xuống cấp.

Hòa bình lập lại nhưng tình hình an ninh ở miền Bắc vẫn còn phức tạp do thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và bọn phản động phá hoại. Trước, trong và sau ngày đình chiến, địch cưỡng ép di cư vào miền Nam hàng chục vạn người, phần lớn là đồng bào theo đạo Thiên chúa, công chức, nhà buôn, nhà giáo, bác sĩ, nhân viên kỹ thuật. Các nhóm phản động, gián điệp, các toán biệt kích được tung ra miền Bắc để phá hoại các cơ sở kinh tế, các công trình công cộng. Các phần tử tay sai, các đảng phái phản động lén lút kích động quần chúng, gây bạo loạn ở một số địa phương, tung truyền đơn, tài liệu xuyên tạc chính sách của Đảng Lao động, Chính phủ Việt Nam hòng lung lạc quần chúng, gây hoang mang, dao động trong nhân

dân. Ở vùng biên giới phía Bắc, hàng ngàn thổ phỉ được các thế lực phản động Pháp, Mỹ tiếp tay tiến hành hoạt động phá hoại. Tại nhiều vùng khác, bọn nguy quân, nguy quyền cũ vẫn lén lút hoạt động chống phá chính quyền cách mạng.

Ở miền Nam, từ chỗ có chính quyền, có quân đội, có vùng giải phóng giờ đây phần lớn cán bộ, bộ đội miền Nam tập kết ra miền Bắc, toàn bộ hoạt động của cách mạng phải chuyển sang phương thức vừa hợp pháp và không hợp pháp, vừa công khai lại vừa bí mật. Đó là một đảo lộn lớn, một tình thế nguy hiểm đối với cách mạng ở miền Nam. Sự thay đổi đó tác động mạnh tới tâm tư, tình cảm của đồng bào, đồng chí miền Nam và đặt ra cho cách mạng Việt Nam những nhiệm vụ mới vô cùng khó khăn. Sau chín năm kháng chiến, miền Nam chưa một ngày có hòa bình. Một lần nữa, cách mạng miền Nam lại đứng trước những thử thách tưởng chừng khó vượt qua.

Tuy nhiên, bên cạnh những khó khăn, ta vẫn có được những thuận lợi căn bản: miền Bắc hoàn toàn được giải phóng, trở thành hậu phương lớn của cả nước, nhân dân vô cùng phấn khởi, ủng hộ chính quyền, đấu tranh bảo vệ thành quả cách mạng. Nhiệm vụ của miền Bắc là phải trở thành một hậu phương vững chắc về cả vật chất lẫn tinh thần cho miền Nam, nhiệm vụ của miền Nam là một tiền tuyến lớn để bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất đất

nước. Trước tình thế mới của đất nước, để hoàn thành nhiệm vụ đó, sự lãnh đạo và chỉ đạo của Đảng phải tinh táo, sáng suốt, nhạy bén, chủ động, linh hoạt và vững vàng. Toàn quân, toàn dân và toàn thể cán bộ từ Bắc đến Nam, phải đoàn kết chặt chẽ chung quanh Đảng và Hồ Chí Minh, chính quyền cách mạng và mặt trận dân tộc thống nhất, tư tưởng và hành động phải nhất trí, kiên quyết, khôn khéo.

### ***1.2. Chủ trương của Đảng về xây dựng hậu phương miền Bắc***

Đứng trước tình hình đất nước trong thời kì mới, Đảng đã chủ trương xây dựng hậu phương miền Bắc trở thành hậu phương chiến lược, căn cứ địa cách mạng – chỗ dựa vững chắc cho cách mạng miền Nam. Chính vì vậy ngay sau khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp kết thúc, miền Bắc được giải phóng hoàn toàn, Đảng luôn chú trọng việc xây dựng hậu phương miền Bắc trở thành căn cứ địa của cả nước.

Hội nghị trung ương Đảng lần thứ 7 (3 – 12/3/1955) đã xác định phải củng cố miền Bắc và đường lối đó được tái khẳng định một lần nữa tại Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 (13 – 20/8/1955). Hội nghị nhấn mạnh: “Muốn thống nhất nước nhà, điều cốt yếu là phải ra sức củng cố miền Bắc... đường lối củng cố miền Bắc là củng cố và phát triển chế độ dân chủ nhân dân, tiến dần từng bước vững chắc đến chủ nghĩa xã hội, củng cố miền Bắc không thể tách rời chiếu cố miền Nam... miền

Bắc là chỗ đứng của ta, bất kể trong tình hình nào, miền Bắc cũng phải được củng cố” [1]. Tiếp đó, phát biểu trong Đại hội Mặt trận dân tộc thống nhất toàn quốc (tháng 9 -1955), Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Miền Bắc là nền tảng, là gốc rễ lực lượng đấu tranh của nhân dân ta. Nền có vững, nhà mới chắc. Gốc có mạnh cây mới tốt” [2, tr. 12]. Tại Hội nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam (19/3/1958) và kì họp thứ 8 của Quốc hội khóa I (16/4/1958), chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Nhiệm vụ trước mắt của nhân dân ta là ra sức xây dựng và củng cố miền Bắc, đưa miền Bắc tiến dần lên CNXH, đồng thời đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà” [2, tr. 156].

Để củng cố miền Bắc trở thành nền tảng cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà, Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ III, năm 1960, đã chủ trương phải tiến hành cách mạng XHCN ở miền Bắc; cách mạng xã hội chủ nghĩa (XHCN) ở miền Bắc gắn bó chặt chẽ với cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam và giữ vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ sự nghiệp cách mạng của cả nước, đối với cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà; còn cách mạng miền Nam có một vị trí rất quan trọng, có tác dụng quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam.

Trong suốt cuộc kháng chiến, nhân dân ta vừa đẩy mạnh các hoạt động đấu tranh chống Mỹ - Việt Nam Cộng hòa ở miền Nam, vừa từng bước xây dựng

CNXH ở miền Bắc. Đảng đặc biệt quan tâm chỉ đạo xây dựng củng cố hậu phương, căn cứ địa cách mạng, tạo chỗ dựa vững chắc, tạo nguồn sức mạnh to lớn, cung cấp kịp thời sức người, sức của cho miền Nam đánh Mỹ. Hội nghị lần thứ 12 Ban chấp hành Trung ương Đảng (tháng 12 năm 1965) khẳng định vai trò của miền Bắc trong khắc phục hậu quả của chiến tranh, cải tạo XHCN và xây dựng CNXH: “nhiệm vụ của quân và dân ta ở miền Bắc là tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 của Trung ương, vừa sản xuất, vừa chiến đấu để bảo vệ miền Bắc, đánh bại chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, động viên sức người sức của tăng cường chi viện miền Nam,...” [3]. Miền Bắc thực sự đã trở thành căn cứ địa vững chắc cho cách mạng Việt Nam trong cả nước, với một chế độ chính trị ưu việt, với lực lượng kinh tế và quốc phòng lớn mạnh. Những thắng lợi trong xây dựng CNXH ở miền Bắc là cơ sở vững chắc cho Đảng củng cố, giữ vững quyết tâm chống Mỹ, cứu nước.

Như vậy, ngay từ đầu, vai trò và vị trí của miền Bắc đã được Đảng Lao động Việt Nam xác định rất rõ. Để làm tròn vai trò đó, trong kháng chiến chống Mỹ, hậu phương miền Bắc cần được xây dựng theo một đường lối phù hợp - đó là đường lối tiến hành cách mạng XHCN ở miền Bắc; gắn chặt nhiệm vụ xây dựng với nhiệm vụ bảo vệ vững chắc hậu phương; gắn chặt nhiệm vụ

chiến lược của hậu phương với nhiệm vụ chiến lược của tiền tuyến.

## ***2. Hậu phương miền Bắc khôi phục và cải tạo kinh tế, mở đường chi viện cho Miền Nam (1954 – 1960)***

Từ khi hòa bình lập lại, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta ở miền Bắc đã khắc phục mọi khó khăn gian khổ, hoàn thành cải tạo ruộng đất, kết thúc thắng lợi thời kỳ khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh và hăng hái thi đua ra sức thực hiện kế hoạch nhà nước “3 năm”, “5 năm”, cải tạo kinh tế, phát triển kinh tế, văn hóa,... Mục tiêu của miền Bắc là nâng cao thêm một bước đời sống vật chất và văn hóa cho nhân dân và hơn hết làm nhiệm vụ hậu phương chi viện cho miền Nam, cùng miền Nam hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, từ đó làm cơ sở vững chắc cho công cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà. Miền Bắc khẩn trương tổ chức động viên sức người, sức của nhằm chi viện nhanh chóng, kịp thời, liên tục đáp ứng yêu cầu của chiến trường miền Nam trong các cuộc tiến công và nổi dậy.

*Về xây dựng hệ thống chính trị*, hệ thống chính quyền từ Trung ương đến địa phương được kiện toàn, tiến hành cải tạo XHCN đối với nền kinh tế quốc dân, xây dựng từng bước cơ sở vật chất - kỹ thuật của CNXH. Miền Bắc đạt nhiều thành tựu lớn, đảm bảo tốt cho việc lãnh đạo và động viên mọi tầng lớp nhân dân tham gia thực hiện tốt các kế hoạch kinh tế - xã hội. Các thiết chế dân chủ

cũng được xây dựng, hoàn thiện hơn, đáp ứng nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân. Nhằm đẩy mạnh việc dân chủ hóa cơ quan tư pháp, Quốc hội quyết định thành lập Tòa án nhân dân tối cao và Viện công tố nhân dân, tách toà án nhân dân và hệ thống công tố khỏi Bộ tư pháp, chuyển thành hai cơ quan thuộc Hội đồng chính phủ. Ngày 31/12/1959, Quốc hội khóa 1 nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thông qua Hiến pháp mới.

Trên cơ sở nhất trí về chính trị, sự ổn định xã hội ở miền Bắc được tăng cường, khối đoàn kết toàn dân ngày càng vững mạnh. Tháng 9/1955, Đại hội Mặt trận dân tộc thống nhất toàn quốc đã họp tại Hà Nội và quyết định thành lập Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thay cho Mặt trận Liên Việt trước đây.

*Về kinh tế - xã hội*, trong quá trình chiến tranh, việc xây dựng, phát triển kinh tế và cải thiện từng bước đời sống nhân dân được coi là vấn đề cốt lõi, nền tảng sức mạnh của căn cứ địa hậu phương để kháng chiến lâu dài. Một nền tảng kinh tế phát triển vững mạnh, cân đối là cơ sở và điều kiện cho sự vững mạnh về chính trị. Do vậy, Đảng, Nhà nước đã đề ra và tổ chức thực hiện các kế hoạch kinh tế, văn hóa, xã hội ngắn hạn, nhằm biến đổi sâu rộng nền kinh tế miền Bắc. “Năm 1960, 86% hộ nông dân tham gia hợp tác xã (HTX) sản xuất nông nghiệp, chiếm 76% diện tích đất canh tác, trong đó có 12% số hộ nông dân vào hợp tác xã bậc cao” [4, tr. 48].

Toàn bộ công thương nghiệp tư bản tư doanh đã được cải tạo theo hình thức công tư hợp doanh. “Đến cuối năm 1960, miền Bắc có 783 hộ tư sản công nghiệp (100%), 826 hộ tư sản thương nghiệp (97,1%) và 319 hộ tư sản vận tải cơ giới (99%),... được cải tạo. Hàng vạn công nhân được giải phóng khỏi ách bóc lột của giai cấp tư sản” [5, tr. 38].

*Về đối ngoại*, trước tình hình thế giới biến đổi ngày càng phức tạp, Đảng và Nhà nước trên cơ sở giữ vững đường lối độc lập, tự chủ đã tiến hành chính sách ngoại giao hòa bình, hữu nghị với các dân tộc, chăm lo củng cố và phát triển hợp tác tương trợ với các nước xã hội chủ nghĩa cũng như phong trào cộng sản quốc tế. Tháng 4/1955, Đoàn đại biểu chính phủ Việt Nam do Thủ tướng Phạm Văn Đồng dẫn đầu dự Hội nghị Á – Phi lần thứ 1 tại Bandung (Indonesia). Ngày 22/6 – 22/7/1955, Đoàn đại biểu do Chủ tịch Hồ Chí Minh dẫn đầu đã thăm Liên Xô, Trung Quốc và Mông Cổ. Ngày 20/7/1959, lần đầu tiên “ngày Việt Nam” được trên 20 nước tổ chức trọng thể. Từ đó về sau, “ngày Việt Nam” hằng năm được nhân dân nhiều nước trên thế giới tổ chức để ủng hộ nhân dân Việt Nam chống Mỹ xâm lược.

*Về văn hóa*, nền giáo dục ở miền Bắc đã phát triển nhanh chóng. Hệ thống giáo dục đã được chấn chỉnh lại. Hai hệ thống giáo dục ở vùng tự do và tạm chiếm trước đây được thống nhất thành hệ thống giáo dục phổ thông 10 năm.

Các địa phương mở nhiều trường cấp I, II, III. “Trong năm 1960, cứ 100 người dân thì có 18 người đi học. Hệ thống giáo dục phổ thông được hoàn chỉnh và mở rộng. Năm 1960 (so với năm 1957), số học sinh phổ thông tăng gấp 2 lần, số học sinh chuyên nghiệp tăng gấp 4 lần, số sinh viên đại học tăng gấp 4 lần, chúng ta đã có 9 trường đại học với 11.000 sinh viên” [4, tr. 150]. Cùng với giáo dục phổ thông, các lớp bình dân học vụ được mở ra ở mọi địa phương, mọi công trường, xí nghiệp. Lần thứ hai trong lịch sử của chế độ dân chủ cộng hòa, diệt dốt trở thành phong trào quần chúng, biểu hiện ý chí của một dân tộc không cam chịu thất học. Bên cạnh việc đào tạo trong nước, chính phủ còn đưa ngày càng nhiều học sinh đi học ở các nước xã hội chủ nghĩa anh em.

Về quân sự, năm 1960, ban hành Luật nghĩa vụ quân sự, đánh dấu bước phát triển mới của sự nghiệp quốc phòng. Trang bị cho bộ đội được đổi mới, 2/3 vũ khí bộ binh do các nước XHCN giúp đỡ. Việc sản xuất đạn dược được chú trọng, số lượng bộ đội sẵn sàng đáp ứng nhu cầu trên cả hai miền. “Ngay sau Hội nghị trung ương Đảng lần thứ 15, Tổng quân ủy chủ trương đưa quân đội, vũ khí chi viện cho chiến trường. Để tích cực hỗ trợ, chi viện cho cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam, Đoàn 559 được thành lập với nhiệm vụ mở đường trên dãy Trường Sơn. Cuối 5/1959, theo con đường Trường Sơn, miền Bắc đã đưa vào miền Nam 542

cán bộ, 1.667 súng bộ binh, 188 kg thuốc nổ, 788 dao găm và nhiều đồ dùng quân sự khác. Năm 1960, miền Bắc tiếp tục chi viện 51 tấn vũ khí đạn dược cho khu V” [4, tr. 164]. Song song với tuyến vận tải trên bộ Trường Sơn, do nhu cầu cấp bách của chiến trường miền Nam, Trung ương Đảng quyết định mở thêm tuyến vận tải trên Biển Đông để chi viện trực tiếp cho Quân giải phóng miền Nam. Tháng 7 năm 1959, tiểu đoàn vận tải trên biển 603 được thành lập, đóng tại cửa biển sông Gianh (Quảng Bình) với tên gọi “Tập đoàn đánh cá Sông Gianh” để vận chuyển hàng quân sự vào miền Nam, tổ chức đưa cán bộ, bộ đội, chuyên công văn, tài liệu đi lại giữa hai miền.

Như vậy, ngay từ đầu Đảng và Nhà nước đã nhận thấy được tầm quan trọng, vai trò quyết định của hậu phương lớn miền Bắc với tiền tuyến lớn miền Nam. Đây là một đường lối hoàn toàn đúng đắn của Đảng trong giai đoạn này. Mặc dù còn mắc phải một số sai lầm do “cải cách ruộng đất” nhưng về cơ bản miền Bắc đã thực hiện vai trò bước đầu của một hậu phương lớn đó là tạo cơ sở vững mạnh về mọi mặt và mở những tuyến đường mang tính chiến lược để chi viện cho miền Nam chiến đấu chống đế quốc Mỹ xâm lược.

### **3. Hậu phương miền Bắc xây dựng CNXH và chi viện cho miền Nam (1961 – 1965)**

Từ năm 1961 trở đi, miền Bắc bước vào một thời kỳ mới – thời kỳ lấy xây

dựng chủ nghĩa xã hội làm trọng tâm. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng đã khẳng định: “Đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội, làm cho miền Bắc vững mạnh về mọi mặt thì chúng ta càng có lợi cho cách mạng giải phóng miền Nam” [6, tr. 916 – 917].

*Về xây dựng hệ thống chính trị*, sau Đại hội lần thứ III, Trung ương Đảng tiếp tục tổ chức nhiều hội nghị để thống nhất phương hướng và nhiệm vụ của cách mạng miền Nam nhằm chống lại chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của Mỹ đồng thời với phát triển kinh tế miền Bắc. Ngày 27 – 28/3/1964, Chủ tịch Hồ Chí Minh triệu tập Hội nghị chính trị đặc biệt tại Hà Nội. Tại Hội nghị này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra lời kêu gọi nhân dân miền Bắc ra sức thi đua “mỗi người làm việc bằng hai để đền đáp lại đồng bào miền Nam ruột thịt” [2, tr. 666]. Ngày 26/4/1964, gần 9 triệu cử tri miền Bắc đi bầu đại biểu Quốc hội khóa III (bầu được 453 đại biểu, trong đó có 87 đại biểu miền Nam đã trúng cử khóa I được kéo dài nhiệm kỳ).

*Về kinh tế*, kế hoạch 5 năm (1961 – 1965) ở miền Bắc được tiến hành trong thời kỳ Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh đặc biệt ở miền Nam và đẩy mạnh những hoạt động khiêu khích đối với miền Bắc. Tuy nhiên, kinh tế miền Bắc vẫn đạt được nhiều thành tựu quan trọng. “Năm 1965, có 90,1% tổng số hộ nông dân lao động vào HTX nông nghiệp, trong đó có 60,1% hợp tác xã bậc cao, với số diện tích ruộng đất đưa

vào sản xuất tập thể là 80,3% toàn bộ diện tích canh tác” [5, tr. 116]. Xí nghiệp công nghiệp quốc doanh được xây dựng, nhiều khu công nghiệp được hình thành ở Hà Nội, Hải Phòng, Việt Trì, Thái Nguyên,... Chỉ sau 5 năm thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế và văn hoá- xã hội, nền kinh tế miền Bắc đã có bước phát triển tương đối vững chắc, nhất là về nông nghiệp, công nghiệp nặng, công nghiệp tiêu dùng; đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của nhân dân được cải thiện đáng kể. Bước đầu ta đã chuẩn bị được những cơ sở cần thiết cho công cuộc xây dựng miền Bắc tiến lên CNXH.

*Về văn hóa*, hầu hết các xã đồng bằng trung du và nhiều xã miền núi có trường cấp I, II, huyện có trường cấp III. Ngành giáo dục đại học phát triển với ba hình thức (dài hạn, chuyên tu, tại chức). “Năm học 1960 – 1961, có 10 trường với 1.260 giảng viên và 16.690 sinh viên, đến năm học 1965 – 1966 tăng lên 21 trường với 3.390 giảng viên và 34.208 sinh viên. Hệ thống giáo dục chuyên nghiệp được mở rộng, đến năm 1965, có 154 trường với 3.159 giáo viên và 60.018 học sinh” [5, tr. 117]. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân từng bước được cải thiện.

*Về xây dựng lực lượng vũ trang*, để bảo vệ thành quả của cách mạng miền Bắc và làm tròn nghĩa vụ với cách mạng miền Nam, Đảng đã chủ trương xây dựng quân đội nhân dân từng bước tiến lên chính quy, hiện đại, triển khai

bố trí lại lực lượng theo kế hoạch phòng thủ chiến lược; hình thành các quân chủng, binh chủng. Chăm lo xây dựng tiềm lực quốc phòng toàn dân, xây dựng thể trận chiến tranh nhân dân; xây dựng lực lượng dự bị và lực lượng dân quân, tự vệ có bước phát triển mới về số lượng lẫn chất lượng. Một đội quân hiện đại bao gồm: lục quân, phòng không – không quân và hải quân được hình thành. Lực lượng dân quân tự vệ được tổ chức rộng khắp (1,4 triệu người, trong đó có 1/5 được trang bị vũ khí). Vũ khí trang bị được hiện đại hóa (do sự giúp đỡ của các nước anh em và do tự sản xuất).

Với những thành tựu đạt được trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, bộ mặt miền Bắc có nhiều thay đổi và trở thành căn cứ địa cách mạng vững chắc của cách mạng miền Nam. “Trong 2 năm 1963 – 1964, nhiều tiểu đoàn, trung đoàn bộ đội vào miền Nam chiến đấu, số quân bổ sung cho chiến trường miền Nam tăng hai lần so với hai năm trước đó. Tuyến chi viện hậu cần Bắc – Nam được mở rộng, khối lượng vũ khí, đạn được chuyển vào miền Nam tăng 1,5 lần” [5, tr. 119-120]. Kết quả chi viện tăng cường trong giai đoạn này đã góp phần giúp cho Miền Nam đánh địch ở nhiều trận tuyến: 4/1961, bộ đội Việt Nam và lực lượng Phathet Lào mở chiến dịch Trung Lào; mở đường 129 dài 180 km trên đất Lào để chi viện cho miền Nam; quy mô Đoàn 559 được nâng lên, phát triển tương đương cấp sư

đoàn (1961); đường “Hồ Chí Minh trên biển” được khai thông. Tuyến vận tải dọc Đông và Tây Trường Sơn đã vươn dài hơn 2000 km, từ miền tây Quảng Bình qua khu vực biên giới 3 nước với lực lượng trên toàn tuyến hơn 8000 bộ đội (từ năm 1963, Đoàn 559 đã kết hợp vận chuyển bằng gùi thồ và ô tô). Bước sang năm 1964, tổng số bộ đội từ miền Bắc vào miền Nam là 17.427 người, vũ khí và phương tiện chiến tranh chuyển vào Nam không ngừng tăng lên, đặc biệt có những đơn vị chủ lực cơ động cấp trung đoàn lần đầu tiên được đưa vào chiến trường. Trên tuyến đường biển, tính đến tháng 2/1964 đã có 89 chuyến tàu đi (86 tàu tới đích), giao cho miền Nam 4.920 tấn hàng. Riêng Liên khu V mới đi được 3 chuyến, giao 171 tấn hàng thì xảy ra vụ Vũng Rô (2/1965) [5].

Tóm lại, hơn 10 năm sau ngày giải phóng, từ đổ nát của chiến tranh, nhân dân miền Bắc khắc phục nhiều trở ngại khó khăn, lao động xây dựng một chế độ mới ưu việt, với nền kinh tế có bước tiến vững chắc về cơ cấu và thành phần, về năng suất. Nền kinh tế đi dần vào thể ổn định với hai ngành sản xuất chính - công nghiệp và nông nghiệp, với hai hình thức sở hữu bao trùm: quốc doanh và tập thể. Trên nền tảng chính trị, kinh tế đó, sức mạnh quân sự của miền Bắc cũng được tăng cường. Nếu như ở giai đoạn đầu sau kháng chiến chống Pháp, hậu phương miền Bắc chủ yếu khôi phục và cải tạo kinh tế, mở đường chi



viện cho miền Nam thì ở giai đoạn này, miền Bắc đã đạt nhiều thành tựu trong xây dựng XHCN, công tác chi viện cho miền Nam đã được tiến hành và ngày càng tăng.

#### **4. Hậu phương miền Bắc xây dựng và bảo vệ CNXH, cùng tiền tuyến lớn miền Nam đánh Mỹ (1965 – 1968)**

Từ năm 1965 đến khi giải phóng hoàn toàn miền Nam, miền Bắc phải đương đầu và đánh thắng hai lần chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ. Mục tiêu phá hoại của đế quốc Mỹ là tập trung đánh phá giao thông vận tải, dùng mọi loại vũ khí hiện đại, bằng mọi biện pháp kỹ thuật thâm độc, nhằm cắt đứt tuyến vận tải chi viện miền Nam, phong tỏa các bến cảng tiếp nhận vận chuyển chi viện của quốc tế..., cả nước bước vào chiến tranh. Vì vậy, trong giai đoạn này, hậu phương miền Bắc một mặt là chỗ dựa vững chắc cho miền Nam, mặt khác miền Bắc cũng không ngừng đấu tranh để bảo vệ những thành quả đã đạt được từ sau giải phóng.

Để phù hợp với tình hình mới, Đảng, Nhà nước quyết định chuyển hướng kinh tế và mọi mặt của đời sống miền Bắc sang thời chiến, tiếp tục xây dựng miền Bắc theo hướng XHCN, kết hợp chặt chẽ hơn nữa xây dựng kinh tế với tăng cường quốc phòng. Trong điều kiện chiến tranh, miền Bắc vừa sản xuất, vừa chiến đấu, vừa dốc sức người, sức của chi viện chiến trường miền Nam và làm nghĩa vụ quốc tế với hai

nước bạn Lào và Campuchia. Mọi hoạt động của miền Bắc đã chuyển hướng chiến lược với tinh thần “tất cả vì tiền tuyến, tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”.

Về xây dựng hệ thống chính trị, Bộ chính trị và Ban chấp hành Trung ương Đảng mở nhiều cuộc hội nghị để lãnh đạo nhân dân hai miền đánh thắng chiến lược “chiến tranh cục bộ” của Mỹ. Hội nghị lần thứ 11 (3/1965) đã nhận định: “*Tình hình một nửa nước có chiến tranh, một nửa nước có hòa bình đã biến thành tình cả nước có chiến tranh với hình thức và mức độ khác nhau ở mỗi miền*” [6, tr. 108]. Tháng 2/1965, Ban chấp hành Trung ương Đoàn Thanh niên phát động và kêu gọi hưởng ứng phong trào “Ba sẵn sàng” của thanh niên Hà Nội. Tháng 3/1965, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động cuộc vận động “Ba đảm đang”. Tháng 6/1965, Thủ tướng chính phủ ra chỉ thị thành lập Đội Thanh niên xung phong chống Mỹ.

“Trong hơn 4 năm (8/1964 đến 11/1968) chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của Mỹ, bảo vệ CNXH, quân dân miền Bắc đã bắn rơi 3.243 máy bay, trong đó có 6 máy bay chiến lược B52, hai cánh cụp cánh xòe F.111A là loại máy bay hiện đại nhất của Mỹ, tiêu diệt và bắt sống hàng nghìn giặc lái, bắn chìm và bắn cháy 143 lần chiếc tàu chiến Mỹ. Ngày 31/3/1968, Mỹ buộc phải tuyên bố ngừng ném bom bắn phá (từ vĩ tuyến 20 trở ra) và ngày

1/11/1968 tuyên bố ngừng ném bom bắn phá trên toàn lãnh thổ miền Bắc nước ta” [5, tr. 206]. Việc đánh phá hậu phương miền Bắc của Mỹ bị thất bại nặng nề.

*Về kinh tế*, trong bom đạn ác liệt của Mỹ, miền Bắc vẫn phát triển trên một số mặt. Trong nông nghiệp, diện tích canh tác được mở rộng, năng suất lao động không ngừng tăng lên, phong trào hợp tác hóa tiếp tục được đẩy mạnh. Năng lực sản xuất công nghiệp được giữ vững, đặc biệt là công nghiệp địa phương đã tăng lên nhanh chóng. Mỗi tỉnh đã thực sự trở thành một đơn vị kinh tế tương đối hoàn chỉnh, đảm bảo hậu cần tại chỗ cho cuộc chiến đấu, sản xuất và đời sống nhân dân. “Năm 1967, miền Bắc có 30 huyện với 2.628 hợp tác xã. Năm 1955, tỷ trọng công nghiệp là 17,2% đến năm 1967 đã tăng lên 49,5%” [5, tr. 207].

*Về văn hóa, giáo dục, y tế* cũng có những bước tiến. “Đến năm 1968 -1969, hơn 6 triệu người được đi học. Năm 1965, cán bộ có trình độ đại học và trên đại học mới có 20.000, năm 1969 đã tăng lên 40.000 người. Ngành y tế đã có những thành tựu nghiên cứu khoa học xuất sắc và đạt được trình độ quốc tế. Hàng nghìn cán bộ y tế tình nguyện đi phục vụ chiến đấu tại các chiến trường ở miền Nam và ở Lào” [5, tr. 207].

*Về xây dựng lực lượng vũ trang* có bước phát triển cả về số lượng lẫn chất lượng. Trong giai đoạn này, các binh chủng kỹ thuật, binh chủng phòng

không và binh chủng vận tải phát triển nhanh chóng. Bộ đội miền Bắc đã sản xuất được hàng nghìn tấn vũ khí, đạn dược, phụ tùng xe máy các loại (tăng gấp ba lần giai đoạn trước).

Những thành tựu trên đây đã tạo điều kiện cho miền Bắc tiếp tục chi viện cho miền Nam với quy mô và mức độ ngày càng lớn. Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng và Chính phủ, khắp các nơi trên miền Bắc, nhiều Đội thanh niên xung phong được thành lập. “Chỉ trong tháng 6/1965, các Đội Thanh niên xung phong Hà Tĩnh, Quảng Bình, Ninh Bình, Nam Hà với 8.856 người đã vào đường 559 làm nhiệm vụ mở đường, san lấp hố bom, bảo đảm giao thông vận tải để vận chuyển hàng hóa, súng đạn vào Nam” [5, tr. 208]. Đoàn 559 chuyển sang vận tải cơ giới trên một địa bàn sâu rộng hơn trước. Con đường biển Đông đã được nối lại sau sự kiện Vũng Rô và việc vận chuyển buộc phải thay đổi lộ trình (đi xa bờ, vòng qua miền biển các nước Đông Nam Á và hướng về một bến dự định ở miền Nam).

Trong thời kỳ 1965 – 1968, quá nửa lực lượng và gần 80% vũ khí, đạn dược, phương tiện kỹ thuật sử dụng trên chiến trường miền Nam là do từ hậu phương miền Bắc đưa vào. “Trong 2 năm 1966 và 1967, hơn 360.000 con người của hậu phương miền Bắc đã được động viên vào quân đội thường trực, 149.037 cán bộ chiến sĩ lên đường vào Nam chiến đấu, 44.000 thanh niên nam nữ

gia nhập lực lượng Thanh niên xung phong” [3, tr. 394]. “Năm 1968, từ miền Bắc, Đảng và Chính phủ đã đưa vào miền Nam 14 vạn quân, gấp 3 lần năm 1965; 7 vạn tấn hàng, gấp 8 lần năm 1965” [7, tr. 314].

Tóm lại, sự chi viện sức người, sức của, vũ khí, đạn dược từ miền Bắc vào Nam giai đoạn này đã tạo điều kiện phát triển nhanh chóng lực lượng quân giải phóng miền Nam, lập nên những chiến công lớn như: chiến thắng Núi Thành (5/1965), Vạn Tường (8/1965), Plâyme (11/1965), Đất Cuốc và Bàu Bàng (11/1965),... Sự chi viện to lớn của miền Bắc là một trong những nhân tố có tính quyết định thắng lợi của quân dân ta đánh thắng chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ ở miền Nam, là chỗ dựa tinh thần vững chắc để nhân dân miền Nam yên tâm chiến đấu giành độc lập, thống nhất Tổ quốc.

### 5. Kết luận

Với những nỗ lực của nhân dân miền Bắc và sự uyển chuyển trong đường lối lãnh đạo của Đảng ở cả 2 miền trong từng giai đoạn của cuộc kháng chiến chống Mỹ đã tạo nên những thành quả đáng ghi nhận. Tiềm lực mọi mặt của miền Bắc ngày càng được tăng cường, tạo cơ sở vững chắc để chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam. Trong con mắt của Mỹ - chính

quyền Việt Nam Cộng hòa, vai trò của hậu phương miền Bắc có thể chỉ đơn giản là nơi cung cấp cơ sở vật chất, vũ khí đạn dược cho chiến trường. Nhưng với Đảng, nhân dân và quân đội Việt Nam thì ngoài vai trò nguồn cung cấp sức người, sức của cho tiền tuyến, căn cứ hậu phương miền Bắc còn là chỗ dựa tinh thần, còn là nơi tạo ra thế và lực để phát huy sức mạnh tổng hợp giành chiến thắng. Dưới bom đạn ác liệt của kẻ thù, miền Bắc vẫn tiếp tục xây dựng CNXH. Có thể khẳng định, tuyến vận tải quân sự Trường Sơn là một trong thông thành công kiệt xuất của Đảng ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Bộ đội Trường Sơn mang theo sức mạnh của hậu phương lớn miền Bắc XHCN cả về sức người, sức của để “xé dọc Trường Sơn”, “mở đường mà đi, đánh địch mà tiến”.

Những thành tựu mà nhân dân miền Bắc đạt được cũng như sự chi viện của miền Bắc cho miền Nam đã nói lên những đóng góp của hậu phương lớn miền Bắc XHCN trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Trong những năm kháng chiến gian khổ ấy, miền Bắc vừa là căn cứ địa cách mạng, hậu phương lớn của cả nước, vừa là hậu phương lớn của cách mạng miền Nam, vừa là tiền tuyến trực tiếp chiến đấu ác liệt với máy bay và tàu chiến.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập, tập 16*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội

2. Hồ Chí Minh (1996), *Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 9*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2003), *Văn kiện Đảng toàn tập, tập 26*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội
4. Đinh Xuân Lâm, (2003), *Đại cương lịch sử Việt Nam tập 3*, Nxb Giáo dục, Hà Nội
5. Trần Bá Đệ (2012), *Giáo trình Lịch sử Việt Nam tập VII*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội
6. Trần Bá Đệ (2000), *Lịch sử Việt Nam từ 1945 đến nay: Giáo trình đào tạo giáo viên trung học cơ sở hệ cao đẳng sư phạm*, Nxb Giáo dục, Hà Nội
7. Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị (2000), *Chiến tranh cách mạng Việt Nam - Thắng lợi và bài học*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội

### **THE ROLE OF THE NORTH' BACKEND IN THE WAR AGAINST THE UNITED STATES (1954 - 1968)**

#### **ABSTRACT**

*The war against the United States occurred in the context of the country that was temporarily divided into two regions with two different political regimes. The North had basically fulfilled the people's democratic national revolution, the South was also under the yoke of the American imperialists and the hordes of henchmen, demanding that the Party adopted the right policy to take victory profit step by step. From that reality, being fully aware of and creative use of Marxist-Leninist theories about the role of the rear in the war, our Party decided to build 3 rear-horizons: the rear of the Northern Socialist Party, the rear in the South and the international rear. According to the Party, the North was the great backdrop, the revolutionary base of the whole country, the foundation, the root of the struggle force of our people and the decisive factor for the victory of the resistance war.*

*In the context of this article, I would like to analyse how to build the rear as well as make correct statements about the achievements and contributions of the North during the period 1954 - 1968.*

**Keywords:** *North' backend, Southern front - line, assist, Socialist revolution*

(Received: 1/5/2018, Revised: 13/6/2018, Accepted for publication: 24/12/2018)